

Bản án số:24/2021/DS-ST

Ngày 23-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán việc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm

Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng thuê khoán việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST – DS ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện L, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn Kh trình bày:

Anh làm công việc lắp ghép cốt pha thuê cho các công trình xây dựng. Đến tháng 7 năm 2018, anh Kh có thuê anh làm cốt pha cho anh Kh tại trường mầm non Ch ở huyện L. Anh và anh Kh không lập hợp đồng gì mà chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi anh làm cốt pha tại trường mầm non xong thì hai bên có thanh toán tổng số nợ là 29.642.000 đồng, anh Kh đã thanh toán cho anh số tiền 20.000.000 đồng, anh Kh còn nợ là 9.642.000 đồng.

Sau khi làm công trình trường mầm non xong, anh Kh có xây dựng nhà ở của con ông D tại xã Đ, huyện L. Anh Kh có thuê anh làm ván khuôn cụ thể là làm móng tầng 1, số tiền làm ván tầng 1 anh Kh đã thanh toán đủ tiền cho anh.

Anh Kh tiếp tục thuê anh làm cốt pha tầng 1 và tầng 2, hai bên thỏa thuận miệng là khi đổ xong tầng 1, anh Kh phải thanh toán cho anh 80% tiền công, sau khi làm xong tầng 2, anh Kh sẽ thanh toán cho anh 20% tiền làm cốt pha tầng 1 và toàn bộ tiền làm tầng 2. Khi anh đã làm cốt pha tầng 2 xong, anh Kh không thanh toán tiền cho anh theo đã thỏa thuận nên anh không làm công trình này nữa và anh Kh đã viết giấy tổng số nợ là 20.698.000 đồng. Sau khi anh Kh viết giấy xác nhận còn nợ anh 20.698.000 đồng, anh Kh đã trả cho anh 10.000.000 đồng. Đến nay anh xác nhận anh Kh còn nợ anh số tiền 9.642.000 đồng tiền nợ làm cốt pha của trường mầm non Ch và 10.698.000 đồng tiền nợ làm cốt pha làm nhà cho con ông D. Từ khi anh Kh trả 10.000.000 đồng, anh có đến nhà anh Kh đòi nhiều lần nhưng anh Kh khát nợ. Đến nay anh yêu cầu anh Kh phải trả anh số tiền nợ là 20.340.000 đồng và tiền lãi 1%/ tháng của số tiền nợ kể từ ngày 11/6/2019 cho đến khi xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn Kh trình bày:

Anh Kh chuyên làm và cho thuê cốt pha, giữa năm 2018, anh và anh Kh có thỏa thuận miệng là anh thuê anh Kh làm cốt pha cho anh tại trường mầm non Ch ở L. Do thời gian đã lâu nên anh cũng không biết hai bên thỏa thuận công việc như nào. Sau khi anh Kh làm cốt pha tại trường mầm non song thì hai bên có thanh toán tổng số nợ là 29.642.000 đồng, anh đã thanh toán cho anh Kh là 20.000.000 đồng còn lại 9.642.000 đồng. Số tiền 9.642.000 đồng này anh giữ lại chưa trả cho anh Kh vì lý do là công nhân của anh Kh làm mất tài sản là thiết bị sử dụng như xe vận chuyển và một số dụng cụ liên quan đến xe vận chuyển nhưng anh Kh không đồng ý chịu trách nhiệm việc công nhân của anh Kh đã làm mất đồ.

Sau khi làm công trình trường mầm non Ch xong, anh có nhận làm nhà của con nhà ông D ở L. Đối với công trình này, anh có thỏa thuận miệng là thuê anh Kh làm ván khuôn. Sau khi chủ nhà không làm đúng hợp đồng nên anh đã không làm công trình này nữa. Trước khi không làm công trình nữa anh đã thanh toán số tiền thuê anh Kh làm ván khuôn cho anh Kh cụ thể thanh toán cho anh Kh bao nhiêu thì anh không nhớ. Theo anh được biết thì sau khi anh không làm công trình này nữa thì chủ nhà có gọi anh Kh đến làm các công việc liên quan đến cốt pha. Khi anh Kh làm xong tầng 1 thì chủ nhà không thanh toán cho anh Kh nên anh Kh quay sang đòi anh số tiền trên.

Anh đã được Tòa án cho xem toàn bộ tài liệu do anh Kh nộp cho Tòa án nhân dân huyện T vào ngày 14/01/2020, anh xem mặt sau tờ số 3 tờ giấy do anh Kh nộp với nội dung ở phần cuối trang: tổng cộng: 20.698.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm chín tám nghìn đồng, nợ cũ chưa trừ xe 9.642.000 đồng) do lâu ngày anh không nhớ chính xác, có thể là chữa viết của anh nhưng đối với các khoản anh còn nợ thì anh đều có chữ ký ở dưới còn các khoản không có chữ ký

của anh thì anh đều thanh toán hết. Đối với mặt sau của tờ giấy số 5 do anh Kh nộp thì anh xác định đó là chữ viết và chữ ký của anh. Đến nay anh Kh yêu cầu anh trả số tiền là 20.340.000 đồng và lãi suất thì anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý trả anh Kh khoản chênh lệch giữa các tài sản do công nhân của anh Kh làm mất và số tiền là 9.642.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2019, chị Trịnh Thị H trình bày: chồng chị là anh Nguyễn Văn Kh có nhận công trình ở Q của anh Kh. Chị có đi làm một số buổi và thuê công nhân làm. Sau đó chị nghe anh Kh nói là đã làm xong công trình nhưng anh Kh không trả tiền. Chị xác nhận số tiền anh Kh nợ là tiền công của anh Kh không liên quan gì đến chị. Chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 7/1/2020, ngày 21/2/2020, ngày 23/3/2020, ngày 22/4/2021 và ngày 29/6/2021. Vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS. Tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại điều 234 BLTTDS, bị đơn vắng mặt.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc anh Nguyễn Văn Kh phải trả cho anh Kh số tiền cốt pha còn nợ gốc 20.340.000 đồng.

- Về án phí: Do yêu cầu của anh Kh được chấp nhận, anh Kh phải chịu tiền án phí tương ứng số tiền 20.340.000 đồng x 5% = 1.017.000 đồng. Hoàn trả cho anh Kh tạm ứng án phí DSST do Chi cục thi hành án dân sự huyện T đã thu.

- Về chi phí giám định: Anh Kh phải trả anh Kh toàn bộ số tiền chi phí giám định anh Kh đã thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Kh khởi kiện yêu cầu trả tiền đối với anh Nguyễn Văn Kh, có nơi cư trú tại thôn L, xã Ph, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Đối với chị Trịnh Thị H, quá trình giải quyết vụ án chị H xác định anh Kh yêu cầu anh Kh trả số tiền 20.340.000 đồng là tiền công làm của anh Kh, không liên quan đến chị nên Hội đồng xét xử không đưa chị H vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh Kh vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Kh là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hai bên đương sự đều thừa nhận anh Kh có thỏa thuận miệng thuê anh Kh làm cốt pha cho anh. Anh Kh đã thực hiện và hoàn thành công việc như hai bên đã thỏa thuận. Sau khi hoàn thành công việc, anh Kh đã bàn giao kết quả công việc cho anh Kh theo như hai bên đã thỏa thuận. Anh Kh và anh Kh đã đối chiếu và tổng cộng số tiền anh Kh phải trả cho anh Kh. Đến nay, anh Kh khởi kiện yêu cầu anh Kh trả số tiền nợ thuê anh làm cốt pha là 20.340.000 đồng. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng thuê khoán việc.

[3] Xét yêu cầu của anh Kh: anh Kh cho rằng sau khi hai bên thỏa thuận việc anh Kh làm cốt pha cho anh Kh tại trường mầm non Ch thì anh Kh đã thực hiện công việc và hai bên chốt lại số tiền anh Kh còn nợ anh Kh là 9.642.000 đồng. Đối với hợp đồng làm cốt pha giữa anh Kh và anh Kh tại nhà con trai của ông D, anh Kh cho rằng anh Kh đã đối chiếu và chốt tổng cộng còn nợ lại anh số tiền là 20.698.000 đồng, sau đó đã trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng còn nợ lại là 10.698.000 đồng. Đối với số tiền 20.698.000 đồng anh Kh cho rằng lâu ngày anh không nhớ chính xác, tờ giấy có ghi số tiền 20.698.000 đồng có thể là chữ viết của anh nhưng đối với các khoản nợ đều có chữ ký ở dưới còn các khoản không có chữ ký của anh thì anh đều thanh toán hết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh đã trả anh Kh hết số tiền anh thuê anh Kh làm cốt pha. Hội đồng xét xử thấy, sau khi anh Kh và anh Kh thỏa thuận, anh Kh làm cốt pha cho anh Kh tại trường mầm non Ch, anh Kh đã thực hiện xong công việc, hai bên xác nhận số tiền công nợ anh Kh còn nợ anh Kh số tiền 9.642.000 đồng có chữ ký của anh Kh và anh Kh cũng công nhận việc nợ anh Kh số tiền trên. Đối với công trình tại nhà con trai của ông D, anh Kh đã thực hiện làm cốt pha cho anh Kh. Anh Kh có nộp cho Tòa án 07 tờ thoi dôi khối cốt pha mà anh Kh làm cho anh Kh, tại tờ số 3 trong tài liệu mà anh Kh đã nộp cho Tòa án có nội dung tính toán tiền, tại dòng thứ nhất, mặt 2, tờ 3 của tài liệu có ghi nội dung “KHỐI LƯỢNG CỘT PHA TẦNG 1....ở phần cuối có ghi tổng cộng 20.698.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm chín tám nghìn đồng nợ cũ chưa trừ xe 9.642.000 đồng) anh Kh cho rằng nội dung của tài liệu trên là do anh Kh viết. Tại kết luận giám định số 993/ KL- KTHS ngày 15/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B kết luận tài liệu có chữ ký và chữ viết cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 cụ thể là tờ giấy có nội dung “ KHỐI

LƯỢNG CÔPPHA TẦNG 1....ở phần cuối có ghi tổng cộng 20.698.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm chín tám nghìn đồng nợ cũ chưa trừ xe 9.642.000 đồng)” ký hiệu là A1; 01 tờ giấy A3 một mặt có nội dung: A, tổng khối lượng: 750m²tổng nợ 29.642.000 đồng hẹn sau đổ trần tầng 2: 10 ngày trả cho ông Kh có chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Kh” ký kiểu A2; 01 mẫu giấy anh Kh nộp tại dòng thứ nhất có nội dung: “ Kh phần cuối có chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Kh” ký hiệu là A3. Mẫu so sánh 01 bản tự khai của anh Nguyễn Văn Kh đề ngày 16/3/2020 ký hiệu M1; 01 biên bản giao nhận đề ngày 16/3/2020 có chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn Kh ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra. Hội đồng xét xử căn cứ vào kết luận giám định số 993/KL- KTHS ngày 15/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ có sở để khẳng định số tiền anh Kh còn nợ anh Kh là 9.642.000 đồng tiền nợ làm cốt pha trường mầm non Ch và 20.698.000 đồng tiền nợ cốt pha tại công trình làm nhà của ông D. Tổng cộng là 30.340.000 đồng, anh Kh đã trả được 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 20.340.000 đồng nên cần buộc anh Kh phải trả cho anh Kh số tiền là 20.340.000 đồng.

Về số tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh yêu cầu anh Kh phải trả tiền lãi là 1%/ tháng của số tiền 20.340.000 đồng kể từ ngày 11/6/20219 cho đến khi xét xử vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Kh không yêu cầu anh Kh trả số tiền lãi của số tiền 20.340.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Kh phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Anh Nguyễn Văn Kh đã tạm ứng chi phí giám định nên anh Kh phải hoàn trả chi phí giám định cho anh Kh đã tạm ứng số tiền 3.240.000 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử căn áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Kh được chấp nhận nên anh Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.340.000 đồng x 5% = 1.017.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Kh được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 385; Điều 398; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Kh đối với anh Nguyễn Văn Kh.

Buộc anh Nguyễn Văn Kh phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 20.340.000 đồng.

2. Về chi phí giám định: anh Nguyễn Văn Kh phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 3.240.000 đồng.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn Kh phải chịu 1.017.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn Kh số tiền 538.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006083 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh